

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được
hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ
khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước**

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 21 tháng 6 năm 2017;

*Căn cứ Luật sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005 và Luật sửa đổi,
bổ sung một số điều của Luật sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009;*

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng tài sản
được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học
và công nghệ sử dụng vốn nhà nước.*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước gồm:

1. Tài sản trang bị để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng toàn bộ ngân sách nhà nước.
2. Tài sản trang bị để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng một phần ngân sách nhà nước.

3. Tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng toàn bộ ngân sách nhà nước.

4. Tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng một phần ngân sách nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ.

2. Cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với tài sản là kết quả của việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại Luật khoa học và công nghệ (sau đây gọi là đại diện chủ sở hữu nhà nước).

4. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

5. Tổ chức, cá nhân thụ hưởng kết quả của việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

6. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quá trình quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng toàn bộ ngân sách nhà nước (sau đây gọi là nhiệm vụ ngân sách cấp) là nhiệm vụ khoa học và công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt triển khai sử dụng toàn bộ ngân sách nhà nước để thực hiện.

2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng một phần ngân sách nhà nước (sau đây gọi là nhiệm vụ ngân sách hỗ trợ) là nhiệm vụ khoa học và công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt triển khai bằng nhiều nguồn vốn trong đó có một phần ngân sách nhà nước.

3. Giao quyền sở hữu tài sản là việc Nhà nước có quyết định giao quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản cho đối tượng được giao.

4. Giao quyền sử dụng tài sản là việc Nhà nước có quyết định giao cho đối tượng quyền quản lý, khai thác, sử dụng tài sản với những điều kiện cụ thể.

5. Chuyển giao không bồi hoàn phần quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản là việc Nhà nước quyết định giao phần quyền sở hữu đối với tài sản được hình thành thông qua việc thực hiện nhiệm vụ ngân sách hỗ trợ cho đối tượng nhận chuyển giao mà không phải hoàn trả phần giá trị tài sản của Nhà nước.

6. Cơ sở dữ liệu về tài sản khoa học và công nghệ là bộ phận của cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công, được xây dựng để thống nhất quản lý tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên phạm vi cả nước.

7. Đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với tài sản là kết quả khoa học và công nghệ là:

a) Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, trừ nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia quy định tại điểm b khoản này;

b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với: Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia được giao quản lý; nhiệm vụ khoa học và công nghệ do mình phê duyệt;

c) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ do mình phê duyệt.

8. Cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ là cơ quan, tổ chức, đơn vị được người có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ giao nhiệm vụ quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

9. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ là tổ chức đăng ký tham gia tuyển chọn hoặc được giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, ký kết hợp đồng khoa học và công nghệ và thực hiện hợp đồng khoa học và công nghệ đã ký kết.

10. Cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ là cá nhân:

a) Tự mình hoặc hợp tác với tổ chức, cá nhân khác để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, ký hợp đồng khoa học và công nghệ;

b) Đăng ký tham gia tuyển chọn hoặc giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

c) Thực hiện hợp đồng khoa học và công nghệ đã ký kết.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành từ việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước

1. Tài sản hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ ngân sách cấp là tài sản công. Việc quản lý, sử dụng thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

2. Tài sản hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ ngân sách hỗ trợ là tài sản đồng sở hữu; việc quản lý, sử dụng tài sản được thực hiện theo thỏa thuận tại Hợp đồng giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền với

các bên còn lại và thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ được phê duyệt theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

3. Việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản là kết quả của việc triển khai thực hiện nhiệm vụ phải bảo đảm chặt chẽ, có hiệu quả; công khai, minh bạch.

4. Tài sản hình thành thông qua việc triển khai nhiệm vụ ngân sách cấp hoặc ngân sách hỗ trợ là tài sản đặc biệt tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân được quản lý, sử dụng theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

5. Khi kết thúc nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước, tài sản hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đạt tiêu chuẩn là tài sản cố định được xử lý theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

Chương II **QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN TRANG BỊ ĐỂ** **THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Mục 1 **QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN TRANG BỊ ĐỂ** **THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NGÂN SÁCH CẤP**

Điều 5. Nguồn tài sản trang bị để triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Nhà nước giao hoặc điều chuyển tài sản:

a) Tổ chức, cá nhân chủ trì có trách nhiệm sắp xếp, bố trí tài sản hiện có để thực hiện nhiệm vụ. Trường hợp tài sản hiện có không đáp ứng được yêu cầu thực hiện nhiệm vụ thì báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, điều chuyển tài sản (nếu có) để thực hiện nhiệm vụ;

b) Thẩm quyền quyết định giao, điều chuyển tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ xem xét, quyết định theo quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Thuê tài sản:

a) Việc thuê tài sản được thực hiện khi có đủ các điều kiện sau: Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ không sắp xếp, bố trí được trong số tài sản hiện có; không có nguồn tài sản để điều chuyển hoặc có điều chuyển nhưng chỉ đáp ứng được một phần; thời gian sử dụng tài sản ngắn (dưới 50% thời gian sử dụng theo chế độ quy định đối với từng tài sản) hoặc nhu cầu sử dụng không thường xuyên; việc thuê tài sản đem lại hiệu quả cao hơn việc mua sắm tài sản;

b) Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ lập danh mục tài sản thuê và đưa vào dự toán của nhiệm vụ, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ phê duyệt và thực hiện thuê tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;

c) Sau khi được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt việc thuê tài sản, tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ thực hiện việc thuê tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan.

3. Mua sắm tài sản:

a) Việc mua sắm tài sản để thực hiện nhiệm vụ được thực hiện đối với các trường hợp không áp dụng được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này;

b) Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ lập danh mục tài sản mua sắm và đưa vào dự toán của nhiệm vụ, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ phê duyệt;

c) Sau khi được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt việc mua sắm, tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện việc mua sắm tài sản theo quy định của pháp luật về mua sắm tài sản từ ngân sách nhà nước.

Điều 6. Quản lý, sử dụng tài sản trang bị để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Tổ chức, cá nhân chủ trì có trách nhiệm quản lý, sử dụng tài sản để thực hiện nhiệm vụ đúng mục đích; thực hiện lập, mở sổ theo dõi riêng tài sản, quản lý, lưu trữ hồ sơ về tài sản theo quy định; đăng nhập đầy đủ thông tin về tài sản vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công (trừ tài sản thuộc danh mục đặc biệt tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân).

2. Tổ chức, cá nhân chủ trì có trách nhiệm thực hiện việc bảo dưỡng, sửa chữa tài sản theo quy định của pháp luật. Kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản được bố trí từ nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách cấp có trách nhiệm kiểm kê và thực hiện chế độ báo cáo tài sản theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

4. Khi kết thúc nhiệm vụ, tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ lập phương án xử lý tài sản trang bị quy định tại Điều 7 Nghị định này, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 8, Điều 9 Nghị định này xem xét, quyết định.

Điều 7. Hình thức xử lý tài sản trang bị khi kết thúc nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Giao tài sản cho tổ chức chủ trì:

a) Theo hình thức ghi tăng tài sản và giá trị tài sản cho tổ chức chủ trì là cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội;

b) Theo hình thức ghi tăng vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp đối với tổ chức chủ trì là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước; hoặc doanh nghiệp có một phần vốn nhà nước trong trường hợp doanh nghiệp chấp nhận điều chỉnh cơ cấu vốn.

2. Bán trực tiếp cho tổ chức, cá nhân chủ trì:

a) Trường hợp tổ chức chủ trì quy định tại điểm b khoản 1 Điều này không nhận ghi tăng vốn và có văn bản đề nghị mua tài sản;

b) Doanh nghiệp không có vốn nhà nước và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Giao quyền sử dụng cho tổ chức, cá nhân chủ trì trong trường hợp tổ chức, cá nhân chủ trì quy định tại khoản 2 Điều này không nhận mua tài sản và được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ (đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, trừ nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia giao bộ, cơ quan trung ương quản lý), Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương (đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia được giao quản lý), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc địa phương quản lý) xem xét, quyết định trên cơ sở kết luận của Hội đồng nghiệm thu về khả năng tiếp tục phát huy, hoàn thiện kết quả, thương mại hóa công nghệ, sản phẩm và đề nghị của cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Tổ chức, cá nhân chủ trì có trách nhiệm hoàn trả giá trị tài sản thông qua việc thương mại hóa kết quả.

4. Trường hợp tổ chức, cá nhân chủ trì không nhận giao hoặc mua tài sản theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này thì xử lý theo các hình thức sau:

a) Điều chuyển cho cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội;

b) Bán;

c) Thanh lý;

d) Tiêu hủy.



Điều 8. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản trang bị của nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc trung ương quản lý

1. Thủ tướng Chính phủ quyết định:

a) Giao tài sản theo hình thức ghi tăng vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp đối với tổ chức chủ trì là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước; hoặc đối với tổ chức chủ trì là doanh nghiệp có một phần vốn nhà nước trong trường hợp doanh nghiệp chấp nhận điều chỉnh cơ cấu vốn theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính trên cơ sở đề nghị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan;

b) Điều chuyển tài sản trong trường hợp đặc biệt theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ:

a) Quyết định giao tài sản của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, trừ nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia giao bộ, cơ quan trung ương quản lý cho tổ chức chủ trì là cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định này theo đề nghị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan;

b) Quyết định bán tài sản của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia cho tổ chức, cá nhân chủ trì quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này;

c) Quyết định giao quyền sử dụng tài sản của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia cho tổ chức, cá nhân chủ trì quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định này;

d) Quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia quy định tại các điểm b, c và d khoản 4 Điều 7 Nghị định này theo quy định của pháp luật.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương:

a) Quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định giao tài sản của nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của bộ cho tổ chức chủ trì quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định này là cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương;

b) Quyết định bán trực tiếp tài sản của nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của bộ cho tổ chức, cá nhân chủ trì quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này;



c) Quyết định giao quyền sử dụng tài sản của nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của bộ cho tổ chức, cá nhân chủ trì quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định này;

d) Quyết định hoặc phân cấp điều chuyển tài sản của nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của bộ cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương quy định tại điểm a khoản 4 Điều 7 Nghị định này;

đ) Quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản của nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của bộ quy định tại các điểm b, c và d khoản 4 Điều 7 Nghị định này;

e) Việc phê duyệt phương án giao, bán trực tiếp cho tổ chức, cá nhân chủ trì quy định tại điểm a, điểm b khoản này, điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý quy định tại điểm d khoản này đối với tài sản là xe ô tô và tài sản khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản được thực hiện sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Tài chính.

4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định:

a) Bán tài sản là nhà, đất theo đề nghị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương có liên quan;

b) Điều chuyển tài sản của nhiệm vụ khoa học và công nghệ giữa các bộ, cơ quan trung ương, giữa bộ, cơ quan trung ương và địa phương, giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo đề nghị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản trang bị đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc địa phương quản lý

1. Thủ tướng Chính phủ quyết định:

a) Giao tài sản theo hình thức ghi tăng vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp đối với tổ chức chủ trì là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước; hoặc tổ chức chủ trì là doanh nghiệp có một phần vốn nhà nước trong trường hợp doanh nghiệp chấp nhận điều chỉnh cơ cấu vốn theo đề nghị của Bộ Tài chính trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan;

b) Điều chuyển tài sản trong trường hợp đặc biệt theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định giao tài sản cho tổ chức chủ trì quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định này là cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương;

b) Quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định bán tài sản trực tiếp cho tổ chức, cá nhân chủ trì quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này;

c) Quyết định giao quyền sử dụng tài sản của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho tổ chức, cá nhân chủ trì quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định này;

d) Quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương quy định tại điểm a khoản 4 Điều 7 Nghị định này;

đ) Quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản quy định tại các điểm b, c và d khoản 4 Điều 7 Nghị định này;

3. Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định điều chuyển tài sản giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, giữa địa phương và trung ương theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương có liên quan.

Điều 10. Trình tự, thủ tục xử lý tài sản trang bị khi kết thúc nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Bảo quản, kiểm kê, lập phương án xử lý tài sản:

a) Tổ chức, cá nhân chủ trì có trách nhiệm bảo quản tài sản và hồ sơ của tài sản từ ngày kết thúc nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Hợp đồng hoặc từ ngày có quyết định chấm dứt thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho đến khi hoàn thành việc xử lý tài sản theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

b) Chậm nhất là 60 ngày, kể từ ngày nhiệm vụ khoa học và công nghệ kết thúc theo Hợp đồng hoặc ngày có quyết định chấm dứt thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tổ chức, cá nhân chủ trì phải hoàn thành việc kiểm kê tài sản, lập phương án xử lý tài sản, gửi cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Việc kiểm kê phải lập thành biên bản theo Mẫu do Bộ Tài chính ban hành;

c) Hồ sơ đề nghị xử lý tài sản gửi cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ gồm:

- Văn bản đề nghị xử lý tài sản của nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã kết thúc: 01 bản chính;

- Biên bản kiểm kê tài sản: 01 bản chính;

- Danh mục tài sản đề nghị xử lý (chủng loại, số lượng, nguyên giá, giá trị còn lại) và đề xuất phương án xử lý tài sản, trong đó ghi rõ hình thức xử lý tài sản theo quy định tại Điều 7 Nghị định này: 01 bản chính.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được phương án đề xuất của tổ chức, cá nhân chủ trì, cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm lập 01 bộ hồ gửi cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công của Bộ, cơ quan trung ương (đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ, cấp cơ sở thuộc trung ương quản lý); gửi Sở Tài chính (đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở thuộc địa phương quản lý). Hồ sơ gồm:

- Văn bản của cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ; trong đó cần nêu rõ ý kiến đối với đề nghị xử lý tài sản của tổ chức, cá nhân chủ trì: 01 bản chính;

Riêng đối với trường hợp đề nghị ghi tăng vốn phải gửi kèm văn bản đề nghị được ghi tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp đối với trường hợp giao tài sản theo hình thức ghi tăng vốn: 01 bản chính;

- Hồ sơ đề nghị xử lý của tổ chức, cá nhân chủ trì quy định tại điểm c khoản 1 Điều này: 01 bản sao;

- Các hồ sơ, tài liệu có liên quan đến tài sản và phương án xử lý tài sản (nếu có): 01 bản sao.

3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công của Bộ, cơ quan trung ương (đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ, cấp cơ sở thuộc trung ương quản lý); Sở Tài chính (đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở thuộc địa phương quản lý) có trách nhiệm thẩm định phương án xử lý tài sản đề:

a) Thông báo cho cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong trường hợp việc xử lý tài sản thuộc thẩm quyền của cơ quan quản lý nhiệm vụ;

b) Quyết định theo thẩm quyền trong trường hợp việc xử lý tài sản thuộc thẩm quyền của cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công;

c) Trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định xử lý theo thẩm quyền;

d) Báo cáo Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản đề nghị Bộ Tài chính quyết định xử lý theo thẩm quyền hoặc trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

4. Căn cứ phương án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ tổ chức thực hiện việc xử lý tài sản theo quy định.

Điều 11. Giao tài sản cho tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày có quyết định giao tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm chủ trì, tổ chức thực hiện việc bàn giao. Việc bàn giao phải lập thành biên bản theo Mẫu số 01/TSC-BBGN Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Sau khi có biên bản bàn giao tài sản, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm:

a) Kế toán, quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công đối với trường hợp đối tượng nhận tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định này. Giá trị tài sản giao là giá trị tài sản theo sổ kế toán;

b) Quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và pháp luật có liên quan trong trường hợp tổ chức chủ trì là doanh nghiệp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Nghị định này. Giá trị tài sản giao được xác định phù hợp với giá trị thị trường của tài sản tại thời điểm bàn giao để ghi tăng vốn.

3. Trường hợp tổ chức chủ trì tại điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định này sau khi nhận bàn giao tài sản không sử dụng, để lãng phí tài sản thì cơ quan, người có thẩm quyền giao tài sản quy định tại Điều 8, Điều 9 Nghị định này quyết định thu hồi; việc xử lý thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Tổ chức chủ trì không sử dụng tài sản, để lãng phí tài sản bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Bán tài sản

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định bán tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ trì thực hiện việc bán tài sản, việc tổ chức thực hiện bán tài sản được quy định như sau:

1. Bán trực tiếp cho tổ chức, cá nhân chủ trì:

a) Cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm ký Hợp đồng bán tài sản với tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Việc xuất hóa đơn bán tài sản cho người mua thực hiện theo quy định của pháp luật về Hóa đơn bán tài sản công;

b) Giá bán tài sản được xác định là giá trị còn lại của tài sản theo sổ kế toán.

2. Bán đấu giá:

a) Cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm xác định và phê duyệt giá khởi điểm, ký hợp đồng thuê tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp để tổ chức bán đấu giá theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật về bán đấu giá tài sản;

Trường hợp không thuê được tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp để tổ chức bán đấu giá thì thủ trưởng cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định thành lập Hội đồng bán đấu giá do Lãnh đạo cơ quan quyết định thành lập Hội đồng làm Chủ tịch; các thành viên khác bao gồm đại diện cơ quan tài chính cùng cấp, đại diện cơ quan chuyên môn kỹ thuật (nếu cần) và các thành viên khác có liên quan;

b) Cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm ký Hợp đồng bán tài sản với tổ chức, cá nhân mua được tài sản. Việc xuất hóa đơn bán tài sản cho người mua thực hiện theo quy định của pháp luật về Hóa đơn bán tài sản công.

3. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ bán tài sản:

Toàn bộ số tiền thu được từ bán tài sản được nộp vào tài khoản tạm giữ mở tại Kho bạc Nhà nước theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Các chi phí liên quan đến việc bán tài sản được sử dụng từ nguồn thu từ bán tài sản. Trường hợp số thu từ bán tài sản không đủ thì được lấy từ nguồn kinh phí của cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 13. Điều chuyển tài sản

1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định điều chuyển tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ trì, phối hợp với tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ và các cơ quan có liên quan (nếu có) tổ chức thực hiện bàn giao tài sản cho đơn vị được tiếp nhận. Việc bàn giao, tiếp nhận được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Chi phí phát sinh trong quá trình bàn giao, tiếp nhận (nếu có) do cơ quan tiếp nhận tài sản chi trả.

Điều 14. Thanh lý tài sản

1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định thanh lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ tổ chức thực hiện việc thanh lý tài sản. Phương thức, trình tự,

thủ tục thanh lý tài sản thực hiện theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Các chi phí liên quan đến việc thanh lý tài sản được sử dụng từ nguồn thu từ thanh lý tài sản (nếu có). Trường hợp số thu từ thanh lý tài sản không đủ thì được lấy từ nguồn kinh phí của cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 15. Tiêu hủy tài sản

1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định tiêu hủy tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện xử lý tài sản theo hình thức tiêu hủy của cấp có thẩm quyền. Việc tiêu hủy thực hiện theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Các chi phí liên quan đến việc tiêu hủy tài sản được sử dụng từ nguồn kinh phí của cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 16. Xử lý tài sản được trang bị của nhiệm vụ khoa học và công nghệ chưa hết thời hạn thực hiện theo Hợp đồng nhưng không còn nhu cầu sử dụng hoặc không còn sử dụng được hoặc nhiệm vụ không hoàn thành theo Hợp đồng

1. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ chưa hết thời hạn thực hiện theo Hợp đồng nhưng có tài sản không còn nhu cầu sử dụng hoặc không còn sử dụng được, hoặc nhiệm vụ không hoàn thành theo Hợp đồng, tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải kiểm kê, đề xuất phương án xử lý tài sản trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 8, Điều 9 Nghị định này xem xét, quyết định.

2. Hình thức xử lý tài sản được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định này; trình tự, thủ tục xử lý tài sản được thực hiện theo quy định tại các Điều 10, 11, 12, 13, 14 và 15 Nghị định này.

Điều 17. Xử lý tài sản được trang bị gắn liền, không thể tách rời với tài sản kết quả sau khi kết thúc nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tài sản được trang bị của nhiệm vụ thực hiện theo hình thức khoán đến sản phẩm cuối cùng

Hình thức, trình tự, thủ tục xử lý tài sản được trang bị gắn liền, không thể tách rời với tài sản kết quả, tài sản được trang bị của nhiệm vụ thực hiện theo hình thức khoán đến sản phẩm cuối cùng sau khi kết thúc nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo quy định tại Chương III Nghị định này.

Mục 2

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ XỬ LÝ TÀI SẢN TRANG BỊ ĐỂ TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ NGÂN SÁCH HỖ TRỢ

Điều 18. Quản lý, sử dụng tài sản trang bị thực hiện nhiệm vụ ngân sách hỗ trợ

1. Nhà nước thực hiện quyền sở hữu đối với phần tài sản tương ứng với phần vốn đóng góp tại nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Việc quản lý, sử dụng và xử lý tài sản với nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách hỗ trợ được thực hiện theo Hợp đồng ký kết giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ, trong đó phải thể hiện rõ phần quyền sở hữu tài sản thuộc về Nhà nước và hình thức xử lý theo hình thức quy định tại Điều 19 Nghị định này.

3. Cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ ngân sách hỗ trợ quyết định hình thức xử lý phần quyền sở hữu tài sản thuộc về nhà nước.

Điều 19. Hình thức xử lý phần tài sản trang bị thuộc về nhà nước

1. Nhà nước giao không bồi hoàn phần tài sản trang bị thuộc về nhà nước cho tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đối với:

a) Nhiệm vụ được Nhà nước hỗ trợ không quá 30% tổng số vốn;

b) Chương trình khoa học và công nghệ khác theo quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ có quy định về việc nhà nước chuyển giao không bồi hoàn tài sản trang bị.

2. Bán phần sở hữu của nhà nước cho tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ hoặc bán cho tổ chức, cá nhân khác theo sự thỏa thuận của các đồng chủ sở hữu đối với trường hợp không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Giao quyền sử dụng phần tài sản thuộc về nhà nước cho tổ chức, cá nhân chủ trì đối với trường hợp tổ chức, cá nhân chủ trì quy định tại khoản 2 Điều này không nhận mua tài sản mà không bán được cho tổ chức, cá nhân khác. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ (đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia), Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương (đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc địa phương quản lý) xem xét, quyết định việc giao trên cơ sở kết luận của Hội đồng nghiệm thu về khả năng tiếp tục phát huy, hoàn thiện kết quả thương mại hóa công nghệ, sản phẩm và đề nghị của cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Tổ chức chủ trì có trách nhiệm hoàn trả giá trị tài sản thông qua việc thương mại hóa kết quả.

Trình tự, thủ tục giao quyền sử dụng phần tài sản trang bị thuộc về nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 26 Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 20. Giao không bồi hoàn phần quyền sở hữu tài sản trang bị thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Tổ chức, cá nhân chủ trì có trách nhiệm bảo quản tài sản và hồ sơ của tài sản từ khi kết thúc nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Hợp đồng hoặc ngày có quyết định chấm dứt thực hiện nhiệm vụ cho đến khi hoàn thành việc xử lý tài sản theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Chậm nhất là 60 ngày, kể từ ngày nhiệm vụ khoa học và công nghệ kết thúc theo Hợp đồng hoặc ngày có quyết định chấm dứt thực hiện nhiệm vụ, cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ và tổ chức, cá nhân chủ trì có trách nhiệm thanh lý hợp đồng và thực hiện bàn giao, tiếp nhận tài sản. Việc bàn giao, tiếp nhận thực hiện theo Mẫu số 01/TSC-BBGN Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Việc quản lý, sử dụng tài sản sau khi được tiếp nhận thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự, pháp luật có liên quan đến tài sản tiếp nhận, chủ thể tiếp nhận (tổ chức, cá nhân) và các văn kiện, điều khoản của nhiệm vụ đã được ký kết hoặc quyết định của cấp có thẩm quyền.

3. Định kỳ hằng năm, cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kết quả việc chuyển giao không bồi hoàn phần tài sản thuộc về nhà nước để công khai và báo cáo theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

Điều 21. Bán phần sở hữu của Nhà nước về tài sản trang bị thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Nhà nước bán phần quyền sở hữu về tài sản trang bị đối với các trường hợp không thuộc khoản 1 Điều 19 Nghị định này cho tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ. Trường hợp tổ chức, cá nhân chủ trì không nhận mua thì các đồng sở hữu thống nhất phương án xử lý bán cho tổ chức, cá nhân khác.

2. Giá bán tài sản được xác định là giá trị còn lại của phần tài sản theo sổ kế toán nhân với tỷ lệ hỗ trợ của ngân sách nhà nước cho nhiệm vụ. Trường hợp không xác định được giá trị còn lại, tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan tài chính và các cơ quan khác có liên quan thành lập Hội đồng định giá hoặc thuê tổ chức có đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá để xác định giá bán tài sản. Giá bán tài sản phải đảm bảo phù hợp với giá thị trường của tài sản cùng loại hoặc tài sản có cùng tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng, xuất xứ.

3. Cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm ký Hợp đồng bán tài sản với tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; xuất Hóa đơn bán tài sản công theo quy định.

4. Trường hợp bán cho tổ chức, cá nhân khác thì các đồng sở hữu tài sản của nhiệm vụ thống nhất trách nhiệm ký Hợp đồng bán tài sản với tổ chức, cá nhân mua được tài sản; việc xuất Hóa đơn thực hiện theo quy định của pháp luật.

5. Tiền bán tài sản sau khi trừ đi các chi phí có liên quan phải được nộp một lần trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng bán tài sản. Trường hợp tài sản có giá bán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản và tổ chức, cá nhân mua được có đề nghị thì cơ quan, người có thẩm quyền quyết định bán tài sản xem xét, quyết định cho người mua được nộp nhiều lần; mức nộp hàng năm tối thiểu bằng tiền bán tài sản chia cho số năm sử dụng còn lại của tài sản đó theo chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước.

Toàn bộ số tiền thu được từ bán tài sản được nộp vào tài khoản tạm giữ mở tại Kho bạc Nhà nước theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Các chi phí liên quan đến việc bán tài sản được sử dụng từ nguồn thu từ bán tài sản. Trường hợp số thu từ bán tài sản không đủ thì được lấy từ nguồn kinh phí của cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Chương III **QUẢN LÝ, XỬ LÝ TÀI SẢN LÀ KẾT QUẢ** **CỦA NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Điều 22. Giao tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Đối với tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách cấp:

a) Ưu tiên giao quyền sử dụng theo hình thức ghi tặng tài sản cho tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ là cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội để nghiên cứu, phát triển công nghệ, sản phẩm công nghệ, ứng dụng, thương mại hóa kết quả nghiên cứu. Tổ chức được giao quyền sử dụng thực hiện quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật về tài sản công và pháp luật có liên quan;

b) Ưu tiên giao quyền sở hữu theo hình thức ghi tặng vốn nhà nước cho tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước;

c) Ưu tiên giao quyền sở hữu cho tổ chức, cá nhân chủ trì không thuộc điểm a khoản này trong trường hợp tổ chức, cá nhân chủ trì đề nghị được nhận giao quyền sở hữu và hoàn trả giá trị tài sản;

d) Trường hợp tổ chức, cá nhân chủ trì quy định tại điểm a khoản này không có nhu cầu nhận giao quyền sử dụng tài sản hoặc tổ chức, cá nhân chủ trì quy định tại điểm b, điểm c khoản này không nhận giao quyền sở hữu thì cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 23 Nghị định này xét giao quyền sở hữu cho tổ chức, cá nhân khác có đề nghị nhận giao quyền sở hữu và hoàn trả giá trị tài sản;

đ) Trường hợp không áp dụng được quy định tại điểm d khoản này thì áp dụng hình thức giao quyền sử dụng cho tổ chức, cá nhân chủ trì để tổ chức, cá nhân chủ trì tiếp tục nghiên cứu, phát triển công nghệ, sản phẩm công nghệ, ứng dụng, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Tổ chức, cá nhân chủ trì phải có phương án ứng dụng, thương mại hóa kết quả, có phương án phân chia lợi nhuận thu được, bảo đảm quyền lợi của Nhà nước, có trách nhiệm báo cáo cơ quan quản lý nhiệm vụ kết quả thực hiện ứng dụng, thương mại hóa (kèm theo báo cáo tài chính của tổ chức chủ trì được kiểm toán độc lập);

e) Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày được giao tài sản mà tổ chức, cá nhân quy định tại điểm a, điểm đ khoản này không sử dụng để ứng dụng, thương mại hóa hoặc không gửi báo cáo kết quả thực hiện ứng dụng, thương mại hóa hàng năm (kèm theo báo cáo tài chính của tổ chức chủ trì được kiểm toán độc lập) hoặc không phân chia lợi nhuận cho Nhà nước khi thương mại hóa thì Nhà nước thực hiện việc thu hồi. Trường hợp đặc biệt cần gia hạn, cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản quyết định gia hạn nhưng tối đa không quá 05 năm kể từ ngày được giao tài sản lần đầu. Việc chấp hành chế độ báo cáo và việc ứng dụng, thương mại hóa kết quả là một trong các tiêu chí để xét giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác.

2. Đối với tài sản là kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ được ngân sách hỗ trợ:

Việc xử lý tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách hỗ trợ phải được thể hiện trong Hợp đồng ký kết của các đồng sở hữu theo nguyên tắc:

a) Giao quyền sở hữu không thu hồi phần kinh phí hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân chủ trì đối với nhiệm vụ mà Nhà nước hỗ trợ đến 30% tổng số vốn và các chương trình khoa học và công nghệ theo quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ;

b) Giao quyền sở hữu phần tài sản là kết quả thuộc về Nhà nước cho tổ chức, cá nhân chủ trì trong trường hợp tổ chức, cá nhân chủ trì đồng thời là tổ chức, cá nhân đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật, tài chính cho nhiệm vụ đề nghị

nhận giao theo hình thức hoàn trả giá trị tài sản là kết quả đối với nhiệm vụ ngân sách hỗ trợ trên 30% tổng số vốn. Đối với trường hợp tổ chức chủ trì không đồng thời là tổ chức, cá nhân đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật, tài chính cho nhiệm vụ thì các đồng sở hữu thỏa thuận theo nguyên tắc giao quyền sở hữu cho tổ chức, cá nhân chủ trì; tổ chức, cá nhân chủ trì có trách nhiệm hoàn trả giá trị tài sản;

c) Trường hợp tổ chức, cá nhân chủ trì không có nhu cầu nhận giao quyền sở hữu tài sản thì thực hiện phương án giao quyền sở hữu cho tổ chức, cá nhân khác và tổ chức, cá nhân nhận giao quyền sở hữu có trách nhiệm hoàn trả giá trị tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

d) Trường hợp không áp dụng được quy định tại các điểm a, b và c khoản này thì thực hiện giao quyền sử dụng phần tài sản thuộc về Nhà nước cho tổ chức, cá nhân chủ trì để tổ chức, cá nhân chủ trì tiếp tục nghiên cứu, phát triển công nghệ, ứng dụng, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Tổ chức, cá nhân chủ trì phải có phương án ứng dụng, thương mại hóa kết quả, phương án phân chia lợi nhuận thu được, bảo đảm quyền lợi của Nhà nước, có trách nhiệm báo cáo cơ quan quản lý nhiệm vụ việc thực hiện ứng dụng, thương mại hóa (kèm theo báo cáo tài chính của tổ chức chủ trì được kiểm toán độc lập);

đ) Trường hợp trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày được giao tài sản mà tổ chức, cá nhân quy định tại điểm d khoản này không sử dụng để ứng dụng, thương mại hóa hoặc không gửi báo cáo kết quả thực hiện ứng dụng, thương mại hóa hàng năm (có kèm theo báo cáo tài chính của tổ chức chủ trì được kiểm toán độc lập) hoặc không phân chia lợi nhuận phần quyền sở hữu của Nhà nước khi thương mại hóa thì Nhà nước thực hiện việc thu hồi phần quyền sở hữu tài sản theo quy định của pháp luật. Trường hợp đặc biệt cần gia hạn, người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản quyết định gia hạn nhưng tối đa không quá 05 năm kể từ ngày được giao tài sản lần đầu. Việc chấp hành chế độ báo cáo và hiệu quả ứng dụng, thương mại hóa kết quả là một trong các tiêu chí để xét giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác;

e) Cơ quan được Nhà nước giao nhiệm vụ ký kết hợp đồng chịu trách nhiệm về nội dung Hợp đồng ký kết theo nguyên tắc nêu tại các điểm a, b, c, và d khoản này. Trường hợp nội dung xử lý tài sản là kết quả trong hợp đồng đã ký kết không phù hợp với nguyên tắc nêu trên thì việc xử lý tài sản được thực hiện theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này. Cơ quan, người ký hợp đồng không đúng quy định phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật và bị xử lý theo quy định của pháp luật về tài sản công và pháp luật có liên quan.

Điều 23. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ do ngân sách cấp:

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định giao tài sản theo hình thức ghi tăng vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp đối với tổ chức chủ trì là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước;

b) Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, trừ nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia quy định tại điểm c khoản này;

c) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia được giao quản lý; nhiệm vụ khoa học công nghệ do mình phê duyệt;

d) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức quyết định đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ do mình phê duyệt.

2. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách hỗ trợ, Nhà nước thực hiện quyền đối với phần tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc sở hữu của Nhà nước. Việc giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng phần tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc sở hữu của Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định này do cơ quan, người quyết định hỗ trợ ngân sách quyết định và phải được xác định tại Hợp đồng khoa học và công nghệ, bảo đảm sử dụng hiệu quả tài sản công.

Điều 24. Trình tự, thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách cấp cho tổ chức chủ trì

1. Trong vòng 60 ngày, kể từ ngày được Hội đồng đánh giá, nghiệm thu kết quả đạt trở lên, tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm lập báo cáo về tài sản (trong đó mô tả cụ thể thông tin về tài sản và chi phí tạo lập tài sản) kèm theo các hồ sơ có liên quan, gửi cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Trường hợp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ có nhu cầu nhận giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng tài sản thì lập 01 bộ hồ sơ gửi cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ đồng thời với báo cáo về tài sản.

Hồ sơ đề nghị giao tài sản gồm:

a) Văn bản đề nghị giao quyền sở hữu hoặc giao quyền sử dụng tài sản của tổ chức chủ trì: 01 bản chính;

b) Phương án nghiên cứu, phát triển công nghệ, sản phẩm công nghệ, ứng dụng, thực hiện thương mại hóa kết quả nghiên cứu để tiếp tục phát huy, ứng dụng, thương mại hóa kết quả nghiên cứu theo quy định của pháp luật về khoa học công nghệ (sau đây gọi là phương án phát triển, thương mại hóa kết quả) theo Mẫu do Bộ Tài chính ban hành: 01 bản chính;

c) Biên bản đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ của Hội đồng: 01 bản sao;

d) Hợp đồng khoa học và công nghệ: 01 bản sao;

đ) Thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ được phê duyệt: 01 bản sao;

e) Các tài liệu có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ của tổ chức, cá nhân chủ trì, cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm:

a) Lập báo cáo kê khai để đăng nhập thông tin về tài sản vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định đối với đề nghị của tổ chức, cá nhân chủ trì; trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định này xem xét, quyết định giao quyền sở hữu, quyền sử dụng cho tổ chức, cá nhân chủ trì.

Trường hợp tổ chức, cá nhân chủ trì không có đề nghị giao quyền sở hữu, quyền sử dụng, hoặc không có khả năng nghiên cứu, phát triển công nghệ, sản phẩm công nghệ, ứng dụng, thương mại hóa kết quả nghiên cứu thì báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định này để giao cho tổ chức, cá nhân khác có nhu cầu theo quy định tại Điều 25 Nghị định này.

3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định này xem xét, quyết định giao quyền sở hữu, quyền sử dụng cho tổ chức, cá nhân chủ trì đủ điều kiện được giao.

Nội dung cơ bản của Quyết định giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng tài sản bao gồm:

a) Tên tổ chức, cá nhân được giao quyền sở hữu, quyền sử dụng;

b) Danh mục tài sản;

c) Phương thức giao;

d) Phương án hoàn trả giá trị tài sản trong trường hợp giao tài sản theo phương thức hoàn trả giá trị (số tiền phải hoàn trả, phương thức hoàn trả, thời hạn hoàn trả);

đ) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

4. Căn cứ quyết định giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ lập báo cáo kê khai bổ sung để điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

Điều 25. Giao quyền sở hữu tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách cấp cho tổ chức, cá nhân khác

1. Căn cứ báo cáo của cơ quan quản lý nhiệm vụ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 24 Nghị định này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định này có văn bản giao cho cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ thông báo công khai về việc giao quyền sở hữu kết quả cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có văn bản giao của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ có trách nhiệm thực hiện công khai như sau:

a) Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ và Trang thông tin điện tử về tài sản công đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia;

b) Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ, bộ, cơ quan trung ương đối với nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương;

c) Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

Nội dung công khai gồm: Danh mục tài sản; điều kiện của tổ chức, cá nhân được xét giao quyền sở hữu; phương thức giao; phương án hoàn trả giá trị tài sản trong trường hợp giao tài sản theo phương thức hoàn trả giá trị (số tiền phải hoàn trả, phương thức hoàn trả, thời hạn hoàn trả) và các nội dung liên quan khác (nếu có).

2. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị được nhận chuyển giao kết quả. Hồ sơ đề nghị nhận chuyển giao thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định này.

3. Định kỳ hàng tháng, cơ quan quản lý nhiệm vụ tổng hợp hồ sơ đăng ký của tổ chức, cá nhân có nhu cầu, chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định đối với đề nghị của tổ chức, cá nhân đăng ký, báo cáo người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định này xem xét, quyết định việc giao quyền sở hữu tài sản cho tổ chức, cá nhân như sau:

a) Trường hợp chỉ có 01 tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đăng ký giao quyền sở hữu và đủ điều kiện thì giao quyền sở hữu kết quả cho tổ chức, cá nhân đăng ký;

b) Trường hợp có từ 02 tổ chức, cá nhân trở lên gửi hồ sơ đăng ký giao quyền sở hữu và đủ điều kiện thì tổ chức đấu giá giữa các tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đăng ký. Việc đấu giá do cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu giá.

Căn cứ kết quả trúng đấu giá, cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 23 quyết định giao quyền sở hữu cho tổ chức, cá nhân trúng đấu giá.

c) Căn cứ Quyết định giao quyền sở hữu tài sản, cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ và tổ chức, cá nhân được giao quyền sở hữu thực hiện việc bàn giao, tiếp nhận tài sản. Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản thực hiện theo Mẫu số 01/TSC-BBGN Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

4. Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày đăng thông báo lần đầu mà không giao được quyền sở hữu cho tổ chức, cá nhân khác thì cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 23 quyết định giao quyền sử dụng cho tổ chức, cá nhân chủ trì.

Điều 26. Trình tự, thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách hỗ trợ

1. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhiệm vụ được đánh giá, nghiệm thu kết quả đạt, tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm lập báo cáo về tài sản (trong đó mô tả cụ thể thông tin về tài sản và chi phí tạo lập tài sản) kèm theo các hồ sơ có liên quan, gửi cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ và các đồng sở hữu khác. Trường hợp tại Hợp đồng quy định tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ được nhận giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản thì tổ chức, cá nhân chủ trì lập 01 bộ Hồ sơ đề nghị giao tài sản gửi cho các đồng sở hữu đồng thời với báo cáo về tài sản.

Hồ sơ đề nghị giao tài sản thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định này.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ của tổ chức, cá nhân chủ trì, cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản quy định tại Hợp đồng khoa học và công nghệ quyết định giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản cho tổ chức, cá nhân chủ trì.

3. Trường hợp tại Hợp đồng quy định phương án giao quyền sở hữu cho tổ chức, cá nhân khác và tổ chức, cá nhân nhận giao quyền sở hữu có trách nhiệm hoàn trả giá trị tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ như quy định tại điểm c khoản 2 Điều 22 thì tổ chức, cá nhân chủ trì phối hợp với cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ và các đồng sở hữu khác tổ chức thực hiện việc giao quyền sở hữu theo quy định.

4. Trường hợp tại Hợp đồng quy định tổ chức, cá nhân chủ trì được giao quyền sở hữu, quyền sử dụng nhưng tổ chức, cá nhân chủ trì không nhận thì tổ chức, cá nhân chủ trì bị xử lý theo quy định của pháp luật; tài sản là kết quả được xử lý như sau:

a) Thẩm quyền quyết định quy định tại Hợp đồng thuộc về nhà nước thì cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Hợp đồng khoa học và công nghệ quyết định việc giao quyền sở hữu, quyền sử dụng cho tổ chức, cá nhân khác theo quy định tại Điều 25 Nghị định này;

b) Thẩm quyền quyết định quy định tại Hợp đồng không thuộc về nhà nước thì các đồng sở hữu quyết định việc giao quyền sở hữu, quyền sử dụng cho tổ chức, cá nhân khác theo quy định tại Hợp đồng hoặc của pháp luật về dân sự. Cơ quan, người có thẩm quyền được giao ký Hợp đồng có trách nhiệm tham gia việc quyết định giao quyền sở hữu, quyền sử dụng, bảo đảm quyền lợi của nhà nước.

Điều 27. Xác định giá trị của tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ để thực hiện giao quyền

1. Giá trị của tài sản là kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ được xác định dựa trên kinh phí đầu tư cho nhiệm vụ, giá giao dịch trên thị trường (nếu có), chính sách, khả năng, nghiên cứu, thương mại hóa kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đặc điểm kỹ thuật, pháp lý, kinh tế của kết quả nghiên cứu và các yếu tố khác có liên quan.

2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc xác định giá trị tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 28. Thanh toán giá trị của tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Tổ chức, cá nhân được giao quyền sở hữu tài sản có nghĩa vụ hoàn trả giá trị tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại Quyết định giao tài sản của cơ quan có thẩm quyền.

2. Thời hạn thanh toán trong trường hợp giao quyền sở hữu:

a) Đối với hình thức trả tiền một lần: Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày có quyết định giao tài sản;

b) Đối với hình thức trả tiền nhiều lần: Tối đa không vượt quá 05 năm. Mức nộp hàng năm tối thiểu bằng giá trị thanh toán từng lần tương ứng với tổng giá trị tài sản chia cho thời gian sử dụng của tài sản, cam kết trong hợp đồng.

3. Việc phân chia lợi nhuận thu được cho nhà nước khi nhận giao quyền sử dụng để nghiên cứu, phát triển công nghệ, sản phẩm công nghệ, ứng dụng, thương mại hóa kết quả theo quy định tại điểm đ khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 22 Nghị định này được thực hiện từ khi tổ chức, cá nhân nhận chuyển giao có lợi nhuận tương ứng với tỷ lệ vốn nhà nước đã đóng góp vào nhiệm vụ.

4. Quản lý, sử dụng số tiền thu được: Toàn bộ số tiền thu được từ việc giao quyền sở hữu tài sản được nộp vào tài khoản tạm giữ mở tại Kho bạc Nhà nước theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Các chi phí liên quan đến việc giao quyền sở hữu tài sản được sử dụng từ nguồn thu từ giao quyền sở hữu tài sản. Trường hợp số thu từ giao quyền sở hữu tài sản không đủ thì được lấy từ nguồn kinh phí của cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 29. Trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước

1. Thực hiện quyền của chủ sở hữu đối với tài sản là kết quả của nhiệm vụ ngân sách cấp, đại diện quyền của chủ sở hữu đối với phần tài sản thuộc về nhà nước của nhiệm vụ ngân sách hỗ trợ.

2. Phê duyệt phương án xử lý theo thẩm quyền quy định tại Điều 23 Nghị định này và chịu trách nhiệm về việc phê duyệt phương án xử lý đó. Việc phê duyệt phương án xử lý tài sản của nhiệm vụ ngân sách hỗ trợ đảm bảo nguyên tắc sử dụng có hiệu quả phần vốn nhà nước.

Điều 30. Trách nhiệm của cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Trường hợp giao quyền sở hữu kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hình thức hoàn trả nhiều lần thì cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học công nghệ có trách nhiệm theo dõi, tổng hợp số tiền thu được và báo cáo đại diện chủ sở hữu ban hành Quyết định giao toàn bộ quyền sở hữu khi tổ chức, cá nhân chủ trì đã hoàn thành việc thanh toán.

2. Trường hợp giao quyền sử dụng kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

a) Hàng năm, căn cứ báo cáo của tổ chức, cá nhân chủ trì được giao quyền sử dụng, cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ có trách nhiệm tổng hợp, theo dõi, báo cáo việc giao quyền sử dụng kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

b) Theo dõi phân chia lợi nhuận thu được từ ứng dụng, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đối với việc giao quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ ngân sách cấp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 22 và giao quyền sử dụng tài sản kết quả của nhiệm vụ ngân sách hỗ trợ từ trên 30% quy định tại điểm d khoản 2 Điều 22 Nghị định này;

c) Trường hợp phát hiện tổ chức, cá nhân chủ trì được giao quyền sử dụng không sử dụng để nghiên cứu, phát triển công nghệ, sản phẩm công nghệ ứng dụng, thương mại hóa hoặc không gửi báo cáo kết quả thực hiện nghiên cứu, phát triển công nghệ, sản phẩm công nghệ, ứng dụng, thương mại hóa hàng năm (có kèm theo báo cáo tài chính của tổ chức chủ trì được kiểm toán độc lập) hoặc không phân chia lợi nhuận phần quyền sở hữu của Nhà nước khi thương mại hóa thì cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ có trách nhiệm báo cáo đại diện chủ sở hữu nhà nước thu hồi lại kết quả và xử lý theo quy định.

Điều 31. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân chủ trì sau khi nhận quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Tổ chức, cá nhân chủ trì có trách nhiệm nghiên cứu, phát triển công nghệ, sản phẩm công nghệ, ứng dụng, thương mại hóa kết quả nghiên cứu như phương án đã trình đại diện chủ sở hữu phê duyệt.

2. Tổ chức chủ trì nhận giao quyền sử dụng theo hình thức quy định tại điểm a khoản 1 Điều 22 Nghị định này có trách nhiệm mở sổ, theo dõi theo quy định của pháp luật về tài sản công.

3. Tổ chức, cá nhân chủ trì nhận giao quyền sử dụng theo hình thức quy định tại điểm đ khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 22 Nghị định này có trách nhiệm phân chia phần lợi nhuận thu được từ việc thương mại hóa kết quả nghiên cứu theo phương án ứng dụng, thương mại hóa kết quả đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ.

4. Sau 03 năm, kể từ thời điểm quyết định công nhận và giao quyền sử dụng tài sản là kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc sau thời gian được cơ quan, người có thẩm quyền gia hạn quy định tại điểm e khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 22 Nghị định này mà tổ chức, cá nhân chủ trì không triển khai nghiên cứu, phát triển công nghệ, sản phẩm công nghệ, ứng dụng, thương mại hóa kết quả nghiên cứu thì cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, quyết định giao tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho tổ chức, cá nhân khác có nhu cầu; tổ chức, cá nhân chủ trì không đủ điều kiện để xem xét thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong thời hạn 03 năm tiếp theo.

Chương IV

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TRONG XỬ LÝ TÀI SẢN ĐƯỢC HÌNH THÀNH THÔNG QUA VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 32. Nội dung chi

1. Chi phí kiểm kê, phân loại tài sản.

2. Chi phí bảo quản tài sản: Chi phí thuê kho, bãi để bảo quản tài sản, chi cho công tác bảo vệ, duy trì hoạt động của tài sản.
3. Chi phí tháo dỡ, thu hồi vật tư của các công trình, máy móc, thiết bị.
4. Chi phí bán, thanh lý tài sản.
5. Chi phí tiêu hủy tài sản.
6. Chi phí xác định giá trị tài sản, chi phí thuê thẩm định giá (nếu có).
7. Chi phí phát sinh trong quá trình bàn giao, tiếp nhận tài sản, bao gồm cả chi phí vận chuyển tài sản.
8. Chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc giao tài sản, giao quyền sở hữu, giao quyền sử dụng, bán, thanh lý, điều chuyển, tiêu hủy tài sản.

Điều 33. Mức chi

1. Đối với các nội dung chi đã có tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan, người có thẩm quyền quy định thì thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức và chế độ do cơ quan, người có thẩm quyền quy định.
2. Đối với các nội dung thuê dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo Hợp đồng ký kết theo quy định giữa cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức xử lý tài sản và đơn vị cung cấp dịch vụ. Việc lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật.
3. Đối với các nội dung chi ngoài phạm vi quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, người đứng đầu cơ quan được giao nhiệm vụ xử lý tài sản quyết định mức chi, bảo đảm phù hợp với chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Điều 34. Nguồn kinh phí

1. Đối với tài sản có quyết định giao quyền sở hữu, bán, thanh lý: Nguồn kinh phí để chi cho các nội dung theo quy định tại Điều 32 Nghị định này được sử dụng từ số tiền thu được do giao quyền sở hữu bán, thanh lý tài sản. Trường hợp việc xử lý tài sản không phát sinh nguồn thu hoặc số thu không đủ bù đắp chi phí thì phần chi phí còn thiếu được quyết toán và chi trả từ nguồn kinh phí của cơ quan quản lý nhiệm vụ.
2. Đối với tài sản có quyết định giao, điều chuyển, giao quyền sử dụng, cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao, được tiếp nhận tài sản có trách nhiệm chi trả các chi phí có liên quan theo quy định tại Điều 32, Điều 33 Nghị định này.

3. Đối với tài sản xử lý theo hình thức tiêu hủy, chi phí xử lý tài sản được xử lý từ nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan quản lý nhiệm vụ.

Điều 35. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản

Việc nộp, xử lý số tiền chậm nộp (nếu có), quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước (bao gồm cả số tiền thu được từ phát triển, thương mại hóa kết quả thuộc về nhà nước) được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Chương V

CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ TÀI SẢN HÌNH THÀNH THÔNG QUA VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 36. Xây dựng hệ thống thông tin về tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước

1. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng, quản lý và khai thác Cơ sở dữ liệu về tài sản được hình thành thông qua việc triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước.

2. Cơ quan được giao quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm đăng nhập thông tin tài sản là kết quả vào cơ sở dữ liệu tài sản khoa học công nghệ theo quy định.

Điều 37. Quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu về tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước

1. Cơ sở dữ liệu về tài sản hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước là một bộ phận của Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công, được xây dựng và quản lý thống nhất trên phạm vi cả nước.

2. Thông tin trong Cơ sở dữ liệu về tài sản được cơ quan có thẩm quyền cung cấp có giá trị pháp lý như trong hồ sơ dạng giấy.

3. Cơ sở dữ liệu về tài sản là tài sản của Nhà nước, phải được đảm bảo an ninh, an toàn chặt chẽ; nghiêm cấm mọi hành vi truy cập trái phép, phá hoại, làm sai lệch thông tin trong Cơ sở dữ liệu về tài sản.

4. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu về thông tin, dữ liệu về tài sản được khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật. Việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về công trình phải thực hiện theo đúng quy định; không được tự ý khai thác, sử dụng thông tin khi chưa được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 38. Sử dụng thông tin về tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước

Thông tin lưu giữ trong cơ sở dữ liệu về tài sản được sử dụng để báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật hoặc các yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

**Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 39. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Điều 40. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với tài sản của nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã có quyết định xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện xử lý theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền; các công việc chưa thực hiện đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì được thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

2. Đối với tài sản của nhiệm vụ khoa học và công nghệ chưa có quyết định xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền thì thực hiện theo Nghị định này.

Điều 41. Điều khoản thi hành

1. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn việc giao quyền sử dụng tài sản, việc hoàn trả giá trị tài sản và việc phân chia lợi nhuận với Nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 7, khoản 3 Điều 19 và Điều 22 Nghị định này.

2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc xác định giá trị tài sản là kết quả, quản lý, sử dụng số tiền thu được từ tài sản và việc tổ chức thực hiện Nghị định này trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2). *XH 105*



Nguyễn Xuân Phúc